

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam

Thông tư số 27/2007/TT-BCA(A11) ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an hướng dẫn cụ thể việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước (dưới đây viết tắt là hộ chiếu) cho công dân Việt Nam như sau:¹

¹ Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Nghị định số 65/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh I,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC.

I. THỦ TỤC CẤP, SỬA ĐỔI HỘ CHIẾU

1. Hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu (cấp lần đầu, cấp lại, đổi):

a)² Hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu lần đầu, cấp lại, nộp 01 bộ gồm:

- 01 tờ khai mẫu X01 ban hành kèm theo Thông tư này (viết gọn là Mẫu X01);
- 02 ảnh mới chụp, cỡ 4cm x 6cm, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu, phong nền màu trắng.

Đối với trẻ em dưới 14 tuổi:

- Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu theo Mẫu X01 phải được Công an xã, phường, thị trấn nơi trẻ em đó thường trú hoặc tạm trú xác nhận và đóng dấu giáp lai ảnh;

- Trường hợp đề nghị cấp riêng hộ chiếu thì nộp 01 bản sao giấy khai sinh (nếu là bản chụp thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu) và 02 ảnh cỡ 4cm x 6cm. Tờ khai do mẹ, cha khai và ký thay; nếu không còn mẹ, cha thì mẹ, cha nuôi hoặc người giám hộ (có giấy tờ chứng minh là mẹ, cha nuôi hoặc người giám hộ hợp pháp) khai và ký thay;

- Trẻ em dưới 9 tuổi đề nghị cấp chung hộ chiếu với mẹ hoặc cha, nộp 01 bản sao giấy khai sinh (nếu là bản chụp thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu) và 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm.

b)³ Cấp lại hộ chiếu (hộ chiếu bị mất; bị hư hỏng; còn thời hạn cần cấp lại; tách trẻ em trong hộ chiếu của mẹ hoặc cha) ngoài giấy tờ quy định tại tiết a trên đây phải bổ sung giấy tờ các trường hợp sau:

- Trường hợp mất hộ chiếu thì nộp đơn trình báo mất hộ chiếu theo quy định tại điểm 3 Mục II của Thông tư này;

- Trường hợp hộ chiếu bị hư hỏng hoặc hộ chiếu còn thời hạn thì nộp lại hộ chiếu đó;

² Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

³ Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

- Trường hợp tách trẻ em trong hộ chiếu của mẹ hoặc cha thì nộp hộ chiếu, 01 tờ khai theo Mẫu X01 và 02 ảnh cỡ 4cm x 6cm của mẹ hoặc cha để cấp lại hộ chiếu; nộp 01 tờ khai theo Mẫu X01 và 02 ảnh cỡ 4cm x 6cm của trẻ em để cấp riêng hộ chiếu cho trẻ em đó.

c)⁴ (được bãi bỏ)

2.⁵ Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung hộ chiếu (điều chỉnh họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, giới tính, số giấy chứng minh nhân dân trong hộ chiếu; bổ sung trẻ em dưới 9 tuổi vào hộ chiếu của mẹ hoặc cha):

- Trường hợp điều chỉnh họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi sinh, giới tính, số giấy chứng minh nhân dân thì nộp 01 bộ hồ sơ gồm 01 tờ khai Mẫu X01, kèm theo giấy tờ chứng minh sự điều chỉnh đó;

- Trường hợp bổ sung trẻ em dưới 9 tuổi vào hộ chiếu của mẹ hoặc cha thì nộp thêm 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm của trẻ em đó. Việc khai và xác nhận tờ khai thực hiện theo quy định tại tiết a điểm 1 Mục I của Thông tư này.

Hộ chiếu đề nghị sửa đổi còn thời hạn ít nhất 1 năm.

3. Cách thức nộp hồ sơ và nhận kết quả:

a)⁶ Người đề nghị cấp hộ chiếu có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả theo một trong 3 cách sau đây:

- Trực tiếp nộp hồ sơ và nhận kết quả:

+ Tại phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với trường hợp cấp lần đầu, cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu. Tờ khai

⁴ Tiết này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

⁵ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

⁶ Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

không phải xác nhận của Công an xã, phường, thị trấn nơi thường trú hoặc tạm trú; trường hợp bổ sung trẻ em dưới 9 tuổi vào hộ chiếu của mẹ hoặc cha thì thực hiện theo quy định tại điểm 2 Mục I của Thông tư này;

Khi nộp hồ sơ phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân còn giá trị sử dụng, nếu tạm trú phải xuất trình thêm sổ tạm trú do cơ quan có thẩm quyền cấp quy định tại Thông tư số 52/2010/TT-BCA ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Công an để kiểm tra, đối chiếu.

+ Tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an đối với trường hợp cấp lại, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu. Hồ sơ thực hiện theo quy định tại tiết b điểm 1 Mục I và điểm 2 Mục I của Thông tư này.

- Ủy thác cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân nêu tại tiết a điểm 1 Mục II của Thông tư này nộp hồ sơ và nhận kết quả:

Người ủy thác khai và ký tên vào tờ khai đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu theo mẫu quy định, có dấu giáp lai ảnh và xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức được ủy thác;

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được ủy thác có công văn gửi Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an đề nghị giải quyết. Nếu đề nghị giải quyết cho nhiều người thì phải kèm theo danh sách những người ủy thác, có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được ủy thác;

Cán bộ, nhân viên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân được ủy thác khi nộp hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu của người ủy thác phải xuất trình giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, giấy chứng minh nhân dân còn giá trị sử dụng của bản thân và của người ủy thác để kiểm tra, đối chiếu.

- Gửi hồ sơ đề nghị và nhận kết quả qua đường bưu điện:

Việc gửi hồ sơ đề nghị và nhận kết quả qua đường bưu điện chỉ áp dụng đối với các trường hợp cấp lại, sửa đổi hộ chiếu (trừ trường hợp bổ sung trẻ em dưới 9 tuổi vào hộ chiếu của mẹ hoặc cha);

Hồ sơ gồm 01 tờ khai Mẫu X01 có xác nhận và đóng dấu giáp lai ảnh của Công an phường, xã, thị trấn nơi thường trú hoặc tạm trú, kèm theo 01 bản chụp giấy chứng minh nhân dân còn giá trị sử dụng và sổ tạm trú (nếu là tạm trú);

Địa điểm, cách thức gửi hồ sơ, tiền lệ phí hộ chiếu và nhận kết quả qua đường bưu điện thực hiện theo hướng dẫn của Tập đoàn Bưu chính viễn thông.

b) Người đề nghị đổi, sửa đổi hộ chiếu nộp hồ sơ cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an. Cách thức nộp hồ sơ, tiền lệ phí hộ chiếu và nhận kết quả qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

c)⁷ Những trường hợp sau đây có nhu cầu cấp hộ chiếu gấp có thể trực tiếp nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an:

- Người cần đi nước ngoài để chữa bệnh nếu có giấy tờ chỉ định của bệnh viện cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc bệnh viện của các Bộ, ngành.

- Người có thân nhân ruột thịt ở nước ngoài bị tai nạn, bệnh tật, bị chết cần phải đi gấp để giải quyết, nếu có giấy tờ chứng minh những sự việc đó.

- Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân viên trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, nếu có văn bản của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân nơi người đó đang làm việc đề nghị.

- Trường hợp có lý do cấp thiết khác đủ căn cứ thì Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét, cấp hộ chiếu theo đúng quy định pháp luật.

4. Về thời hạn trả kết quả của cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh:

a) Nếu hồ sơ nộp tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì trả kết quả trong thời hạn không quá 8 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định;

b) Nếu hồ sơ nộp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh thì trả kết quả trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định;

c) Trường hợp trùng hoặc liền với ngày nghỉ cuối tuần, ngày nghỉ lễ, Tết thì thời hạn nói trên được cộng thêm số ngày nghỉ đó theo quy định của Bộ luật Lao động;

d) Những trường hợp có nhu cầu cấp hộ chiếu gấp theo quy định tại tiết c, điểm 3, mục I của Thông tư này thì giải quyết, trả kết quả sớm nhất trong phạm vi thời hạn quy định tại tiết a, tiết b của điểm này.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ KHÁC

1. Về việc công dân ủy thác cho cơ quan, tổ chức có tư cách pháp nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu và nhận kết quả:

a)⁸ Những người sau đây có thể ủy thác cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân nơi người đó đang làm việc, học tập nộp hồ sơ và nhận kết quả:

⁷ Tiêu đề của tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

⁸ Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Luật Viên chức năm 2010;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân viên đang phục vụ trong các đơn vị Quân đội nhân dân và Công an nhân dân;

- Sinh viên, học sinh đang học tập trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề;

- Những người có hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên đang làm việc trong các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân;

- Người đã ký hợp đồng lao động nước ngoài với doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu lao động đã có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước về lao động và đã ký hợp đồng cung ứng lao động với đối tác nước ngoài.

b) Doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu lao động phải gửi hồ sơ thông báo tư cách pháp nhân đến cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh trước khi cử cán bộ, nhân viên đến làm thủ tục đề nghị cấp hộ chiếu cho người ủy thác đã ký hợp đồng đi lao động nước ngoài nêu tại tiết a, điểm này.

Hồ sơ thông báo tư cách pháp nhân gồm:

- Bản sao quyết định thành lập doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động.

- Bản sao hợp đồng cung ứng lao động đã ký với đối tác nước ngoài.

- Văn bản giới thiệu mẫu con dấu của doanh nghiệp và mẫu chữ ký của Thủ trưởng doanh nghiệp.

c)⁹ Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được ủy thác có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu ảnh và các thông tin trong tờ khai, trong giấy chứng minh nhân dân còn giá trị sử dụng của người ủy thác và nộp hồ sơ theo hướng dẫn nêu tại tiết a điểm 3 Mục I của Thông tư này; chỉ được thu và nộp lệ phí hộ chiếu theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Công an xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

a) Xác nhận vào tờ khai của công dân thường trú hoặc tạm trú tại địa phương trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai;

b) Khi xác nhận tờ khai, phải kiểm tra, đối chiếu ảnh, họ và tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân, nơi sinh, thường trú, tạm trú và các thông tin khác ghi trong tờ khai. Nếu trẻ em dưới 14 tuổi thì kiểm tra, đối chiếu với giấy khai sinh;

c) Không thu phí, lệ phí xác nhận tờ khai đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu.

⁹ Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

3. Trình báo mất hộ chiếu, hủy và khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu bị mất:**a)¹⁰ Trách nhiệm của người được cấp hộ chiếu bị mất:**

- Nếu hộ chiếu bị mất ở trong nước thì trong thời hạn 48 giờ kể từ khi phát hiện mất phải có đơn trình báo với cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh. Trường hợp trực tiếp nộp đơn thì xuất trình giấy chứng minh nhân dân còn giá trị sử dụng để kiểm tra, đối chiếu; nếu gửi qua đường bưu điện thì đơn phải có xác nhận của Công an xã, phường, thị trấn nơi thường trú hoặc tạm trú;

- Nếu hộ chiếu bị mất ở nước ngoài thì phải có đơn trình báo ngay với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi gần nhất và cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại;

- Nội dung đơn trình báo cần ghi rõ: họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, địa chỉ thường trú hoặc tạm trú, số hộ chiếu, ngày cấp, cơ quan cấp, thời gian, địa điểm xảy ra và lý do mất hộ chiếu.

b) Xử lý của cơ quan tiếp nhận đơn trình báo:

- Khi tiếp nhận đơn trình báo mất hộ chiếu của công dân, cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh phải cấp cho người bị mất hộ chiếu giấy xác nhận để người đó sử dụng vào việc đề nghị cấp lại hộ chiếu nếu có nhu cầu;

- Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài khi nhận đơn trình báo mất hộ chiếu có trách nhiệm chuyển đơn hoặc thông báo nội dung trong đơn về Cục Quản lý xuất nhập cảnh bằng cách nhanh nhất để hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu đó;

- Cục Quản lý xuất nhập cảnh khi nhận được thông tin về hộ chiếu bị mất ở nước ngoài phải thực hiện ngay việc hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu đó và thông báo cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để cơ quan này có cơ sở xem xét cấp lại hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh cho công dân về nước theo quy định.

c) Hộ chiếu bị mất đã hủy giá trị sử dụng, khi tìm thấy không được khôi phục giá trị sử dụng. Trường hợp vì lý do nhân đạo, cấp thiết sau đây thì có thể được khôi phục để xuất cảnh, nhập cảnh:

- Trong hộ chiếu đã có thị thực của nước ngoài còn giá trị;

- Các trường hợp nêu tại tiết c, điểm 3, mục I của Thông tư này.

¹⁰ Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

Những trường hợp thuộc diện nêu trên, người có hộ chiếu phải có đơn đề nghị khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu, gửi đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh kèm theo hộ chiếu đó. Cục Quản lý xuất nhập cảnh xem xét, trả lời trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.

4.¹¹ Về thời hạn của hộ chiếu:

- Hộ chiếu cấp cho công dân từ đủ 14 tuổi trở lên có thời hạn không quá 10 năm tính từ ngày cấp và không được gia hạn;

- Hộ chiếu cấp riêng cho trẻ em dưới 14 tuổi hoặc cấp chung trẻ em dưới 9 tuổi vào hộ chiếu của cha hoặc mẹ có thời hạn là 5 năm tính từ ngày cấp và không được gia hạn;

- Hộ chiếu của cha hoặc mẹ còn thời hạn trên 5 năm nếu bổ sung trẻ em dưới 9 tuổi thì điều chỉnh thời hạn là 5 năm tính từ ngày bổ sung trẻ em đó.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN¹²

1. Cục Quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm:

¹¹ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

¹² Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc Công an, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Tổng cục An ninh I chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Tổng cục An ninh I) để có hướng dẫn kịp thời.”

a)¹³ (*được bãi bỏ*)

b) Ban hành quy trình xử lý, giải quyết hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu và hướng dẫn cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện;

c) Trao đổi thông nhất với Tập đoàn Bưu chính viễn thông về cách thức nhận hồ sơ, trả kết quả cho người đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu qua đường bưu điện; phối hợp với các cơ quan chức năng thuộc các Bộ, ngành, địa phương thực hiện các biện pháp quản lý xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam theo đúng quy định của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP của Chính phủ; phối hợp, trao đổi thông tin với Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để cấp lại hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị xuất nhập cảnh cho công dân về nước trong trường hợp công dân bị mất hộ chiếu ở nước ngoài.

2. Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Bố trí đầy đủ lực lượng, phương tiện, cơ sở tiếp dân làm thủ tục cấp hộ chiếu và chỉ đạo đơn vị Quản lý xuất nhập cảnh của địa phương tổ chức việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi hộ chiếu và trả kết quả cho công dân một cách thuận lợi, đúng quy định của Chính phủ;

b) Chỉ đạo Công an xã, phường, thị trấn thực hiện trách nhiệm kiểm tra, xác nhận các giấy tờ liên quan đến việc cấp, sửa đổi hộ chiếu theo yêu cầu của công dân thường trú hoặc tạm trú tại địa phương, đảm bảo nhanh chóng, thuận lợi, chính xác.

3. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 09/2000/TT-BCA(A18) ngày 07 tháng 6 năm 2000 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước theo Nghị định số 05/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2000 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

Những quy định, hướng dẫn trước đây của Bộ Công an về cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước trái với Thông tư này đều bãi bỏ./.

BỘ CÔNG AN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 18/VBHN-BCA

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2014

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Trần Đại Quang

¹³ Tiết này được bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

Mẫu/Form X01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh mới chụp,
cỡ 4 x 6cm, mặt
nhìn thẳng, đầu để
trần, không đeo
kính màu, phong
nền trắng. ⁽¹⁾

TỜ KHAI

(Dùng cho công dân Việt Nam đề nghị cấp,
sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước)

- 1. Họ và tên (*chữ in hoa*)..... 2. Nam Nữ
- 3. Sinh ngày..... tháng..... năm..... Nơi sinh (*tỉnh, TP*).....
- 4. Giấy CMND số Ngày cấp...../...../..... Nơi cấp (*tỉnh, TP*)...
- 5. Dân tộc..... 6. Tôn giáo..... 7. Số điện thoại.....
- 8. Địa chỉ thường trú (*ghi theo số hộ khẩu*).....
-
- 9. Địa chỉ tạm trú (*ghi theo số tạm trú*).....
-
- 10. Nghề nghiệp..... 11. Tên và địa chỉ cơ quan (*nếu có*).....
-
-
- 12. Cha: họ và tên..... sinh ngày...../...../.....
Mẹ: họ và tên..... sinh ngày...../...../.....
Vợ/chồng: họ và tên...../..... sinh ngày...../...../.....
- 13. Hộ chiếu PT được cấp lần gần nhất (*nếu có*) số..... cấp ngày...../...../.....
- 14. Nội dung đề nghị ⁽³⁾
- 15. Con dưới 9 tuổi đề nghị cấp chung hộ chiếu (*nếu có*):
Họ và tên (*chữ in hoa*)..... Nam Nữ
Sinh ngày.... tháng.... năm.... Nơi sinh (*tỉnh, TP*).....
Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai trên.

Ảnh mới chụp,
mặt nhìn thẳng,
đầu để trần,
phông nền trắng
cỡ 3 x 4 cm
⁽¹⁾

Xác nhận
của Trưởng Công an xã/phường/thị trấn ⁽⁴⁾
hoặc Thủ trưởng cơ quan, tổ chức,
doanh nghiệp được ủy thác
(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu*)

Làm tại..... ngày... tháng.... năm....
Người đề nghị
(*Ký, ghi rõ họ tên*)

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

.....
.....
.....
.....

Chú thích:

(1) Dán 01 ảnh vào khung, 01 ảnh vào mặt sau tờ khai.

(2) Nếu CMND có 9 số thì điền vào 9 ô đầu, gạch chéo 3 ô sau; nếu CMND có 12 số thì điền vào 12 ô.

(3) Ghi cụ thể: Đề nghị cấp hộ chiếu lần đầu; cấp lại hộ chiếu; (do mất/hết hạn/tách cấp riêng hộ chiếu cho con) đề nghị điều chỉnh họ và tên, ngày tháng năm sinh, số giấy CMND trong hộ chiếu; đề nghị bổ sung con dưới 9 tuổi vào hộ chiếu của mẹ/cha; sửa đổi nơi sinh: trong hộ chiếu; đề nghị khác nếu có (ghi rõ lý do).

(4) Trường Công an phường, xã thị trấn nơi thường trú hoặc tạm trú xác nhận đối với trường hợp gửi hồ sơ qua đường Bưu điện và trường hợp là trẻ em dưới 14 tuổi. Trường hợp ủy thác cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân nộp hồ sơ thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó xác nhận.